

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN

-----(\*)-----

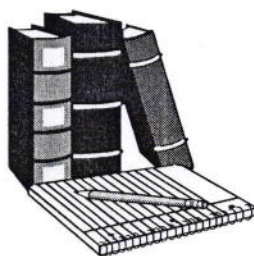


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----(\*)-----

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2020

-----◇-----



Nơi nhận: .....

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2020

# TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020



## **MỤC LỤC**

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020	2 - 3
3. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp từ ngày 01/01/2020 -> 31/03/2020	4
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 01/01/2020 -> 31/03/2020	5 - 6
5. Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 01/01/2020 -> 31/03/2020	7 - 27

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Mẫu B01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>156.103.127.936</b>	<b>154.663.839.251</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>16.295.611.838</b>	<b>19.105.219.271</b>
1. Tiền	111		16.295.611.838	19.105.219.271
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>115.027.843.879</b>	<b>109.252.951.734</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	26.294.399.404	14.174.355.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	43.445.311.730	60.616.251.180
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		39.397.000.000	18.410.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	7.748.527.891	17.909.740.369
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6a	(1.857.395.146)	(1.857.395.146)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>19.225.575.760</b>	<b>25.966.379.697</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.225.575.760	25.966.379.697
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.554.096.459</b>	<b>339.288.549</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	238.433.299	339.288.549
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.315.663.160	-
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>293.080.169.921</b>	<b>300.171.793.896</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>62.503.480.669</b>	<b>63.787.257.591</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	51.051.374.381	52.254.616.231
Nguyên giá	222		101.610.919.840	101.610.919.840
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.559.545.459)	(49.356.303.609)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.452.106.288	11.532.641.360
Nguyên giá	228		13.661.264.000	13.661.264.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.209.157.712)	(2.128.622.640)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>40.188.591.644</b>	<b>40.362.774.729</b>
Nguyên giá	231		50.049.350.032	50.049.350.032
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.860.758.388)	(9.686.575.303)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>6.922.908.871</b>	<b>6.389.748.881</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		6.291.781.862	5.758.621.872
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		631.127.009	631.127.009
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>175.804.402.625</b>	<b>181.672.290.346</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	38.196.355.290	38.196.355.290
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	131.040.333.312	138.040.333.312
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(883.905.973)	(2.016.018.252)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.660.786.112</b>	<b>7.959.722.349</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	5.999.773.193	6.298.709.430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	1.661.012.919	1.661.012.919
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>449.183.297.857</b>	<b>454.835.633.147</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>134.210.454.524</b>	<b>140.396.097.302</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>61.883.161.203</b>	<b>68.068.803.981</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	6.663.641.833	4.809.829.134
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	96.968.597	6.585.631.468
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.166.203.570	2.190.113.213
4. Phải trả người lao động	314		1.222.589.652	3.606.172.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.776.523.560	757.232.452
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	2.411.528.692	2.865.247.433
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	3.712.418.550	4.708.155.331
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	40.755.689.431	41.230.267.654
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.077.597.318	1.316.155.286
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>72.327.293.321</b>	<b>72.327.293.321</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	72.327.293.321	72.327.293.321
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	-	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	-	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>314.972.843.333</b>	<b>314.439.535.845</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>314.972.843.333</b>	<b>314.439.535.845</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.397.496.193	11.397.496.193
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.575.347.140	28.042.039.652
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.042.039.652	42.245.928
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		533.307.488	27.999.793.724
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>449.183.297.857</b>	<b>454.835.633.147</b>

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2020


Nguyễn Ngọc Minh  
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởngĐông Thị Ánh  
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/01/2020 -> 31/03/2020

Mẫu B02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	95.915.291.714	136.409.826.956	95.915.291.714	136.409.826.956
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>95.915.291.714</b>	<b>136.409.826.956</b>	<b>95.915.291.714</b>	<b>136.409.826.956</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	89.741.896.561	122.824.012.718	89.741.896.561	122.824.012.718
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV</b>	<b>20</b>		<b>6.173.395.153</b>	<b>13.585.814.238</b>	<b>6.173.395.153</b>	<b>13.585.814.238</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.576.668.767	3.271.591.032	1.576.668.767	3.271.591.032
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.217.032.712	1.219.933.544	3.217.032.712	1.219.933.544
Trong đó: chi phí lãi vay	23		544.134.345	1.116.883.910	544.134.345	1.116.883.910
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.715.257.360	6.342.027.236	1.715.257.360	6.342.027.236
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.216.472.038	3.328.294.317	3.216.472.038	3.328.294.317
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(398.698.190)</b>	<b>5.967.150.173</b>	<b>(398.698.190)</b>	<b>5.967.150.173</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	932.872.472	-	932.872.472	-
12. Chi phí khác	32	VI.8	866.794	-	866.794	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>932.005.678</b>	<b>-</b>	<b>932.005.678</b>	<b>-</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>533.307.488</b>	<b>5.967.150.173</b>	<b>533.307.488</b>	<b>5.967.150.173</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	494.687.911	-	494.687.911
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>533.307.488</b>	<b>5.472.462.262</b>	<b>533.307.488</b>	<b>5.472.462.262</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		x	x	x	x
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		x	x	x	x

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2020



Nguyễn Ngọc Minh  
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



  
Đông Thị Ánh  
Tổng giám đốc

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP****Mẫu B03 - DN**

Theo phương pháp gián tiếp

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ ngày 01/01/2020 -&gt; 31/03/2020

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			(01/01/2020 -> 31/03/2020)	(01/01/2019 -> 31/03/2019)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		533.307.488	5.967.150.173
2. Điều chỉnh cho các khoản:			3.081.079.809	(410.458.678)
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	VII.1	1.457.960.007	1.507.293.938
- Các khoản dự phòng	03	VII.2	(1.132.112.279)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		192.076.775	101.230.140
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII.3	2.019.020.961	(3.135.866.666)
- Chi phí lãi vay	06		544.134.345	1.116.883.910
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.614.387.297	5.556.691.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(419.860.132)	3.013.628.237
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.207.643.947	19.763.400.584
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(3.391.080.066)	(9.502.394.274)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		399.791.487	232.268.934
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(540.921.701)	(1.117.451.041)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.084.639.165)	(1.239.595.967)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		11.930.000	2.090.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(250.487.968)	(527.115.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.546.763.699</b>	<b>16.181.522.768</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.584.605.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Thuyết minh báo cáo tài chính



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (01/01/2020 -> 31/03/2020)	Năm trước (01/01/2019 -> 31/03/2019)
3. Tiền cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.987.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.100.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		3.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		11.801.921.194	5.437.322.666
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.685.078.806)</b>	<b>2.752.717.211</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.4	37.177.759.910	64.029.187.339
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.5	(37.855.615.283)	(61.992.249.230)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(19.250.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(677.855.373)</b>	<b>(17.213.061.891)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(2.816.170.480)</b>	<b>1.721.178.088</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>19.105.219.271</b>	<b>18.977.912.409</b>
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.563.047	(2.794.571)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>16.295.611.838</b>	<b>20.696.295.926</b>

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2020


Nguyễn Ngọc Minh  
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởngĐồng Thị Ánh  
Tổng Giám đốc

# TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Mẫu B09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2020 -> 31/03/2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 03/11/2017.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của PISICO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

Trồng và khai thác rừng; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Thăm dò, khai thác, chế biến mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu cho ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Kinh doanh dịch vụ cảng biển; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ ăn uống; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản; Đầu tư tài chính vào các DN,....

#### 4. Chu kỳ kinh doanh thông thường:

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính



## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp:

##### a. Danh sách các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	Phường Nhơn Bình, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	70,83%	70,83%
Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	10.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	24.500.000.000	51%	51%
Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây Sơn, TP.Quy nhơn	5.000.000.000	100%	100%

##### b. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu và Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50,00%
Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, Bình Dương	17.600.000.000	31,28%
Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	40,01%
Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	16.500.000.000	44,97%

##### c. Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

###### ► Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico - Chi nhánh Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

###### ► Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico - Chi nhánh Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

###### ► Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico - Chi nhánh Pisico

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ Quyết toán kết thúc ngày 31/03/2019

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

# TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

PISICO áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của PISICO được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam)

#### 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

#### 3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi NH và tiền đang chuyển, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### a) Chứng khoán kinh doanh

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm mà PISICO có quyền sở hữu: đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); đối với chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các khoản chi phí liên quan trực tiếp.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

##### b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Được ghi sổ kế toán theo giá gốc

Dự phòng được trích lập theo quy định của pháp luật trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi và ghi nhận số tổn thất.

Các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

##### c) Các khoản cho vay

##### d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

##### e) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

##### e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

#### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: các khoản phải thu bao gồm

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán



# TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu nội bộ bao gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải thu khác gồm các các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, theo loại nguyên tệ và theo dõi chi tiết về kỳ hạn nợ nhằm phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn khi lập báo cáo tài chính.

Các khoản phải thu được phân loại là các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, CCDC và hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho là thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên liệu và chi phí sản xuất chung.

Hàng tồn kho được đánh giá thực tế trên cơ sở kiểm kê số lượng, chất lượng thực tế, mặt bằng giá thị trường hiện thời và giá trị hình thành của tài sản.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:**

##### **a. Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định và bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và TT 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của TT 45/2013/TT-BTC

##### **b. Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính**

##### **c. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.



# TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản của Tổng Công ty là các công trình hạ tầng khu công nghiệp. Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 15 đến 20 năm.

#### **9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

#### **10. Nguyên tắc kế toán Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:**

#### **11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### **12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, theo loại nguyên tệ và theo dõi chi tiết về kỳ hạn nợ nhằm phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn khi lập báo cáo tài chính.

Các khoản phải trả được phân loại là các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

Dự phòng các khoản phải trả được lập đảm bảo phù hợp với các quy định của Nhà nước

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

#### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

#### **18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi**

#### **19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

#### **20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Khi bán hàng hóa, TP doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.



# TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bán quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

#### 22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

#### 23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

#### 24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

### V. THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
Tiền mặt	1.513.807.548	163.039.105
Tiền gửi ngân hàng	14.781.804.290	18.942.180.166
<b>Cộng</b>	<b>16.295.611.838</b>	<b>19.105.219.271</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính****c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tại ngày 31/03/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
<b>c.1 Đầu tư vào Công ty con</b>	-	<b>38.196.355.290</b>	-	<b>38.196.355.290</b>
- Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	1.062.500	13.625.000.000	1.062.500	13.625.000.000
- Cty TNHH MTV truyền hình Cáp Quy Nhơn	-	5.469.524.664	-	5.469.524.664
- Cty Nguyên liệu giấy QN	-	14.101.830.626	-	14.101.830.626
- Cty TNHH MTV HR PISICO		5.000.000.000		5.000.000.000
<b>c.2 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	-	<b>131.040.333.312</b>	-	<b>138.040.333.312</b>
- Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	9.000.000	110.011.633.155	9.000.000	110.011.633.155
- Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	550.528	5.812.449.600	550.528	5.812.449.600
- Công ty CP chế biến gỗ Nội thất PISICO	600.200	7.796.250.557	600.200	7.796.250.557
- Công ty CP PISICO - Hà Thanh	742.000	7.420.000.000	742.000	7.420.000.000
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO		-		7.000.000.000
<b>c.3 Đầu tư dài hạn khác</b>	-	<b>7.451.619.996</b>	-	<b>7.451.619.996</b>
- Cổ phiếu VICOSIMEX	3.000	35.000.000	3.000	35.000.000
- Công ty CP CB tinh bột sắn Bình Định	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
- Cty CP CB LS PISICO Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
<b>Cộng</b>	-	<b>176.688.308.598</b>	-	<b>183.688.308.598</b>

**c.4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
Dự phòng đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết	-	1.132.112.279
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO		1.132.112.279
Dự phòng đầu tư vào các khoản đầu tư dài hạn khác	883.905.973	883.905.973
- Công ty CP chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	883.905.973	883.905.973
<b>Cộng</b>	<b>883.905.973</b>	<b>2.016.018.252</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>3. Phải thu khách hàng</b>		
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>26.294.399.404</b>	<b>14.174.355.331</b>
<b>Văn phòng Tổng Công ty</b>	<b>13.822.211.582</b>	<b>2.825.838.451</b>
Cty CP CB Gỗ Nội thất PISICO	7.766.392	-
Công ty TNHH TM Ánh Việt	8.514.350	55.488.800
Công ty TNHH TM Ánh Vy	8.514.350	55.488.800
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	12.152.357.506	-
Công ty Cổ phần PISICO Hà Thanh	-	722.885.300
Công ty NLG Qui Nhơn	-	1.185.836.500
Công ty Truyền hình Cáp Quy Nhơn	528.000.000	-
Khách hàng khác	1.117.058.984	806.139.051
<b>Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO</b>	<b>7.748.726.820</b>	<b>6.510.405.391</b>
Công ty TNHH TM Ánh Vy	4.178.155.055	1.452.090.750
Công ty TNHH SX Furniture Sài Gòn	77.892.645	-
Công ty TNHH SXTM Tâm Phú	1.635.268.457	601.118.358
Công ty CP Kỹ nghệ gỗ Tiến Đạt	-	1.639.003.424
Khách hàng HAGEBAU	1.262.729.063	-
Khách hàng ASINDO	-	2.818.192.859
K/H STI GROUP INC	311.835.600	-
Khách hàng Charrles Bentley	282.846.000	-
<b>Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO</b>	<b>2.362.500</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn	2.362.500	-
<b>Xí nghiệp kinh doanh &amp; Phát triển Hạ tầng PISICO</b>	<b>4.721.098.502</b>	<b>4.838.111.489</b>
Công ty CP ĐT Quốc tế & XNK DHT	963.628.703	1.063.628.703
Công ty TNHH Vạn Đại	1.911.231.113	1.911.231.113
Công ty CP PISICO Hà Thanh	437.513.930	437.513.930
Khách hàng khác	1.408.724.756	1.425.737.743
<b>Cộng</b>	<b>26.294.399.404</b>	<b>14.174.355.331</b>
<b>4. Trả trước cho người bán</b>		
	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>43.445.311.730</b>	<b>60.616.251.180</b>
Công ty TNHH TM Ánh Việt	17.000.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	23.000.000.000	43.000.000.000
Khách hàng khác	3.250.811.730	281.751.180
Cty TNHH Cơ khí Lam Sơn	4.500.000	4.500.000
Cty TNHH ĐT & XD Lê Gia	-	230.000.000
Công ty TNHH Lâm Nghiệp Quỳnh Nhân	190.000.000	-
Công ty TNHH DV Danh Thắng	-	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.445.311.730</b>	<b>60.616.251.180</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****5. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>a. Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>7.748.527.891</b>	<b>17.909.740.369</b>
<b>Văn phòng Tổng Công ty</b>	<b>7.650.041.943</b>	<b>17.860.318.301</b>
Công ty CP KD CNN Bình Định	823.319.090	669.747.800
Công ty CP chế biến Tinh bột sắn Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	3.445.534.246	2.795.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Việt	1.380.493.150	1.105.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	559.297.951	87.303.392
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	-	14.776.137
Cổ tức đầu tư ngoài doanh nghiệp	350.000.000	12.150.200.400
Tạm ứng CBCNV của Văn phòng Tổng Công ty	5.087.000	5.087.000
Các khoản phải thu khác	53.106.934	
<b>Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO</b>	<b>37.606.969</b>	<b>46.968.480</b>
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	35.488.229	44.846.080
Tạm ứng CBCNV của XN CB LS XK PISICO	2.118.740	2.122.400
<b>Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO</b>	<b>58.289.500</b>	-
Các khoản phải thu khác	3.930.000	-
Tạm ứng CBCNV của XN LN PISICO	54.359.500	-
<b>Xí nghiệp kinh doanh &amp; Phát triển Hạ tầng PISICO</b>	<b>2.589.479</b>	<b>2.453.588</b>
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	2.589.479	2.453.588
<b>b. Phải thu khác dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.748.527.891</b>	<b>17.909.740.369</b>

**6. Dự phòng phải thu khó đòi**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>1.857.395.146</b>	<b>1.857.395.146</b>

**\* Chi tiết:**

Tại ngày 31/03/2020			Tại ngày 01/01/2020		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
541.765.308	-	Trên 3 năm	541.765.308	-	Trên 3 năm
900.962.269	270.288.679	Từ 2-3 năm	900.962.269	270.288.679	Từ 2-3 năm
1.030.989.435	515.494.718	Từ 1-2 năm	1.030.989.435	515.494.718	Từ 1-2 năm
564.871.771	395.410.240	Từ 6 tháng - 1 năm	564.871.771	395.410.240	Từ 6 tháng - 1 năm
<b>3.038.588.783</b>	<b>1.181.193.637</b>		<b>3.038.588.783</b>	<b>1.181.193.637</b>	



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
Nguyên liệu, vật liệu	13.896.242.373	13.792.612.856
Công cụ, dụng cụ	33.736.627	33.154.821
Sản phẩm dở dang	3.000.931.265	11.007.345.684
Thành phẩm	1.553.963.178	348.428.738
Hàng hóa	740.702.317	645.609.522
Hàng mua đang đi đường	-	139.228.076
<b>Cộng</b>	<b>19.225.575.760</b>	<b>25.966.379.697</b>

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>6.291.781.862</b>	<b>5.758.621.872</b>
- CP Trồng rừng Rừng kinh tế	6.291.781.862	5.758.621.872
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>631.127.009</b>	<b>631.127.009</b>
XDCB TSCĐ dở dang	631.127.009	631.127.009
- XDCB Cụm công nghiệp Canh Vinh	631.127.009	631.127.009
<b>Cộng</b>	<b>6.922.908.871</b>	<b>6.389.748.881</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>a Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2020	64.891.444.741	24.073.244.935	10.947.714.354	810.556.469	887.959.341	101.610.919.840
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>64.891.444.741</b>	<b>24.073.244.935</b>	<b>10.947.714.354</b>	<b>810.556.469</b>	<b>887.959.341</b>	<b>101.610.919.840</b>
<b>b Giá trị hao mòn</b>						
Tại ngày 01/01/2020	25.496.851.572	16.034.581.460	6.290.931.238	757.733.290	776.206.049	49.356.303.609
Trích khấu hao	710.708.751	280.273.556	190.419.256	8.357.986	13.482.301	1.203.241.850
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>26.207.560.323</b>	<b>16.314.855.016</b>	<b>6.481.350.494</b>	<b>766.091.276</b>	<b>789.688.350</b>	<b>50.559.545.459</b>
<b>c Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2020	39.394.593.169	8.038.663.475	4.656.783.116	52.823.179	111.753.292	52.254.616.231
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>38.683.884.418</b>	<b>7.758.389.919</b>	<b>4.466.363.860</b>	<b>44.465.193</b>	<b>98.270.991</b>	<b>51.051.374.381</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

	QSD đất VP TCTy	Quyền sử dụng đất CN HCM	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>a Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2020	13.607.264.000	-	54.000.000	13.661.264.000
Tại ngày 31/03/2020	<b>13.607.264.000</b>	-	<b>54.000.000</b>	<b>13.661.264.000</b>
<b>b Hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2020	2.088.122.640	-	40.500.000	2.128.622.640
Trích khấu hao	77.160.072	-	3.375.000	80.535.072
Tại ngày 31/03/2020	<b>2.165.282.712</b>	-	<b>43.875.000</b>	<b>2.209.157.712</b>
<b>c Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2020	11.519.141.360	-	13.500.000	11.532.641.360
Tại ngày 31/03/2020	<b>11.441.981.288</b>	-	<b>10.125.000</b>	<b>11.452.106.288</b>

**11. Bất động sản đầu tư**

	Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh
<b>a Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2020	50.049.350.032
Đầu tư mới	-
Tại ngày 31/03/2020	<b>50.049.350.032</b>
<b>b Hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2020	9.686.575.303
Trích khấu hao	174.183.085
Tại ngày 31/03/2020	<b>9.860.758.388</b>
<b>c Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2020	40.362.774.729
Tại ngày 31/03/2020	<b>40.188.591.644</b>

**12. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
Chi phí trả trước ngắn hạn	238.433.299	339.288.549
Chi phí trả trước dài hạn	5.999.773.193	6.298.709.430
<b>Cộng</b>	<b>6.238.206.492</b>	<b>6.637.997.979</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 01/01/2020	Tiền vay nhận được trong kỳ	Tiền vay đã trả trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 31/03/2020
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>41.230.267.654</b>	<b>37.177.759.910</b>	<b>37.855.615.283</b>	<b>203.277.150</b>	<b>40.755.689.431</b>
Tổ chức tín dụng	37.230.267.654	37.177.759.910	36.855.615.283	203.277.150	37.755.689.431
Vay VND	27.299.094.204	32.317.685.410	32.171.053.483	-	27.445.726.131
Vay USD	9.931.173.450	4.860.074.500	4.684.561.800	203.277.150	10.309.963.300
Truyền hình cáp Quy Nhơn (VND)	4.000.000.000	-	1.000.000.000	-	3.000.000.000

**14. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>6.663.641.833</b>	<b>4.809.829.134</b>
<b>Văn phòng Tổng Công ty</b>	<b>5.234.580.785</b>	<b>2.319.847.171</b>
Công ty TNHH DV TM Tâm Như	311.831.977	
Cty TNHH DV Danh Thắng	721.444.373	
Cty TNHH MTV Huỳnh Hồng Nga	1.031.137.332	
Cty CP PISICO Hà Thanh	304.627.687	
DNTN Dệt May TM Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH SX TM & DV Đức Thịnh	735.734.374	830.584.375
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	340.667.489	154.434.720
Khách hàng khác	789.137.553	334.828.076
<b>Xí nghiệp chế biến lâm sản XK PISICO</b>	<b>1.059.057.430</b>	<b>1.783.834.921</b>
Công ty TNHH Đức Thành	44.963.047	227.271.599
Công ty TNHH Hoàng Trang	93.471.981	247.907.253
Công ty TNHH Hưng Lợi Phát		128.736.014
Công ty TNHH kỹ nghệ Eco		281.172.476
Công ty CP SX TM Vĩnh Phúc	197.973.600	215.546.100
Công ty CP XL Điện Tuy Phước	46.639.690	113.102.409
Công ty TNHH MTV Tân Anh Tuấn	43.327.680	51.756.540
Cty TNHH Hoàng Tâm	352.272.777	
Khách hàng khác	280.408.655	518.342.530
<b>Xí nghiệp lâm nghiệp PISICO</b>	<b>297.394.300</b>	<b>685.391.475</b>
Công ty TNHH Lâm Sản Phương Nam	85.033.000	
DNTN Nhà may Vũ	34.320.000	-
DNTN Lê Huy Huyền	59.361.750	323.291.650
Cty TNHH MTV Hậu Minh	91.025.300	343.557.925
DNTN TM Bình An	27.654.250	18.541.900
<b>Xí nghiệp kinh doanh &amp; PT hạ tầng PISICO</b>	<b>72.609.318</b>	<b>20.755.567</b>
TT Nước sạch & Vệ sinh MT	72.609.318	20.755.567
<b>Cộng</b>	<b>6.663.641.833</b>	<b>4.809.829.134</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****15. Người mua trả trước tiền hàng**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>a. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn</b>	<b>96.968.597</b>	<b>6.585.631.468</b>
<b>Văn phòng Tổng Công ty</b>	-	<b>6.208.649.831</b>
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	-	4.808.649.831
Công ty TNHH ĐT XD YT Gia Thanh	-	1.400.000.000
<b>Xí nghiệp chế biến lâm sản XK PISICO</b>	<b>46.968.597</b>	<b>325.481.637</b>
Khách hàng HARTMAN	5.646.904	5.646.904
Khách hàng SMT J/S	6.868.170	6.868.170
Khách hàng FREE STYLE	10.765.826	10.765.826
Khách hàng CCST LTD	23.687.697	23.687.697
Khách hàng Charrles Bentley	-	278.513.040
<b>Xí nghiệp kinh doanh &amp; PT hạ tầng PISICO</b>	<b>50.000.000</b>	<b>51.500.000</b>
Công ty TNHH SX Gia Hưng	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH TM XD Long Phước	-	1.500.000
<b>Cộng</b>	<b>96.968.597</b>	<b>6.585.631.468</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/03/2020	
				Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT bán hàng nội địa	60.264.657	1.111.656.881	66.675.273	1.105.246.265	-
Thuế GTGT hàng NK	5.663.561	4.512.043	10.175.604	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.123.741.033	1.123.741.033	-	-
Thuế thu nhập DN	2.084.639.165	-	2.084.639.165	-	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	39.545.830	253.109.299	231.697.824	60.957.305	-
<b>Cộng</b>	<b>2.190.113.213</b>	<b>2.499.019.256</b>	<b>3.522.928.899</b>	<b>1.166.203.570</b>	-

**17. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.776.523.560</b>	<b>757.232.452</b>
Lãi vay phải trả	35.626.525	32.413.881
Phí kiểm toán BCTC tổng hợp và hợp nhất	40.000.000	160.000.000
Thù lao HDQT, thư ký và BKS không chuyên trách	-	204.000.000
Các khoản chi khác	42.197.875	119.390.950
Tiền ăn ca	76.368.000	72.940.700
Phí hoa hồng môi giới	159.037.009	168.486.921
Chi phí khai thác, trồng rừng thương mại	4.423.294.151	-
<b>Cộng</b>	<b>4.776.523.560</b>	<b>757.232.452</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****18. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.712.418.550</b>	<b>4.708.155.331</b>
Kinh phí công đoàn	718.619.029	703.480.585
Bảo hiểm xã hội	232.714.201	
Bảo hiểm y tế	47.656.198	
Bảo hiểm thất nghiệp	17.221.001	
Tiền cọc thuê Văn phòng	134.000.000	134.000.000
Giá trị bảo hành các hạng mục XD CB	10.000.000	10.000.000
Lãi dự trả	16.924.932	16.924.932
Cty TNHH MTV HR PISICO	2.205.647.540	2.710.000.000
Phải trả công đoàn TCTy	306.907.299	283.824.310
Các khoản phải trả khác	22.728.350	849.925.504
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.712.418.550</b>	<b>4.708.155.331</b>

**19. Doanh thu chưa thực hiện**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.411.528.692</b>	<b>2.865.247.433</b>
Cho thuê Văn phòng làm việc	472.125.000	279.375.000
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	1.939.403.692	2.585.872.433
<b>b. Dài hạn</b>	<b>72.327.293.321</b>	<b>72.327.293.321</b>
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	72.327.293.321	72.327.293.321
<b>Cộng</b>	<b>74.738.822.013</b>	<b>75.192.540.754</b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi	Quỹ thưởng Ban QLĐH	Tổng cộng
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>840.230.681</b>	<b>475.924.605</b>	-	<b>1.316.155.286</b>
Tăng trong năm	11.930.000	-	-	11.930.000
- Thu khác trong năm	11.930.000	-	-	11.930.000
Giảm trong năm	175.989.968	74.498.000	-	250.487.968
- Chi trong năm	175.989.968	74.498.000	-	250.487.968
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>676.170.713</b>	<b>401.426.605</b>	-	<b>1.077.597.318</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****21. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2019	275.000.000.000	11.397.496.193	24.287.768.075	310.685.264.268
Lợi nhuận 2019	-	-	27.999.793.724	27.999.793.724
Chia cổ tức	-	-	(22.825.000.000)	(22.825.000.000)
Quỹ khen thưởng	-	-	(708.313.288)	(708.313.288)
Quỹ phúc lợi	-	-	(472.208.859)	(472.208.859)
Quỹ thưởng BĐH	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	275.000.000.000	11.397.496.193	28.042.039.652	314.439.535.845
Tại ngày 01/01/2020	275.000.000.000	11.397.496.193	28.042.039.652	314.439.535.845
Lợi nhuận Q1/2020	-	-	533.307.488	533.307.488
Tại ngày 31/03/2020	275.000.000.000	11.397.496.193	28.575.347.140	314.972.843.333

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	Tại ngày 31/03/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>275.000.000.000</b>	-	<b>275.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

**22. Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

Thuế suất thuế TNDN để XD giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.957.366.860	4.957.366.860
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.296.353.941)	(3.296.353.941)
	<b>1.661.012.919</b>	<b>1.661.012.919</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	17.808,24	135.147,29
EURO	306,56	313,14
d. Nợ khó đòi đã xử lý	<b>5.623.669.639</b>	<b>5.623.669.639</b>
Công ty CP XNK Bình Định (tại Văn phòng)	3.794.772.973	3.794.772.973
Cty CP CBLIS Hưng Phú (tại Chi nhánh Tp.HCM)	1.828.896.666	1.828.896.666

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>95.915.291.714</b>	<b>136.409.826.956</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>95.915.291.714</b>	<b>136.409.826.956</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	66.422.507.466	111.549.166.530
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.727.488.104	24.071.329.978
Doanh thu cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	765.296.144	789.330.448

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa	64.514.252.918	101.785.796.416
Giá vốn cung cấp dịch vụ	24.637.066.753	20.453.300.496
Giá vốn cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	590.576.890	584.915.806
<b>Cộng</b>	<b>89.741.896.561</b>	<b>122.824.012.718</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Lãi tiền gửi Ngân hàng	1.720.794	3.624.666
Thu lãi ứng vốn và chậm thanh toán	1.479.258.245	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	3.132.242.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	95.689.728	135.724.366
<b>Cộng</b>	<b>1.576.668.767</b>	<b>3.271.591.032</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Chi phí lãi vay	544.134.345	1.116.883.910
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ	112.933.871	103.049.634
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	192.076.775	-
Lỗ từ hoạt động đầu tư ngoài DN	2.367.887.721	-
<b>Cộng</b>	<b>3.217.032.712</b>	<b>1.219.933.544</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	469.979.132	2.460.997.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.567.759	1.005.524.354
Chi phí khác	1.003.710.469	2.875.505.202
<b>Cộng</b>	<b>1.715.257.360</b>	<b>6.342.027.236</b>

**6. Chi phí quản lý**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Chi phí nhân viên	869.769.979	901.019.804
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	364.716.428	143.436.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	587.799.093	598.692.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	707.526.485	819.195.973
Chi phí khác	686.660.053	865.950.483
<b>Cộng</b>	<b>3.216.472.038</b>	<b>3.328.294.317</b>

**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Xử lý nợ	826.755.055	-
Thu nhập khác	106.117.417	-
<b>Cộng</b>	<b>932.872.472</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Các khoản chi khác	866.794	-
<b>Cộng</b>	<b>866.794</b>	<b>-</b>





**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>533.307.488</b>	<b>5.967.150.173</b>
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	31.344.067	32.675.000
- CP Khấu hao TSCĐ ô tô trên 1,6 tỷ	30.305.000	30.305.000
- Lãi đánh giá SD ngoại tệ năm trước	172.273	-
- Chi phí khác	866.794	2.370.000
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.526.255.897	3.526.385.618
- Lợi nhuận đầu tư ngoài doanh nghiệp	1.132.112.279	3.132.242.000
- Chi phí khác	394.143.618	394.143.618
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(961.604.342)</b>	<b>2.473.439.555</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%	-	494.687.911
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>494.687.911</b>
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>533.307.488</b>	<b>5.472.462.262</b>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.926.028.590	13.327.191.051
Chi phí nhân công	5.401.141.149	10.343.242.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.457.960.007	1.507.293.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.408.571.307	13.770.360.240
Chi phí khác bằng tiền	4.821.232.476	7.924.993.357
<b>Cộng</b>	<b>33.014.933.529</b>	<b>46.873.081.009</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Khấu hao tài sản cố định**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.203.241.850	1.252.575.781
Khấu hao tài sản cố định vô hình	80.535.072	80.535.072
Khấu hao bất động sản	174.183.085	174.183.085
<b>Cộng</b>	<b>1.457.960.007</b>	<b>1.507.293.938</b>

**2. Các khoản dự phòng**

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.132.112.279)	-
<b>Cộng</b>	<b>(1.132.112.279)</b>	<b>-</b>

## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 3. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Lãi tiền gửi ngân hàng	(1.720.794)	(3.624.666)
Lãi tiền cho vay vốn, chậm thanh toán	(1.479.258.245)	-
Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	-	(3.132.242.000)
Lãi/ lỗ hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	3.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.019.020.961</b>	<b>(3.135.866.666)</b>

#### 4. Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Tiền vay ngân hàng	37.177.759.910	64.029.187.339
<b>Cộng</b>	<b>37.177.759.910</b>	<b>64.029.187.339</b>

#### 5. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Tiền vay ngân hàng	(37.855.615.283)	(61.992.249.230)
<b>Cộng</b>	<b>(37.855.615.283)</b>	<b>(61.992.249.230)</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Công ty con
Công ty CP DV PT Hạ tầng PBC	Công ty con
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV HR PISICO	Công ty con
Công ty CP KD CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Bidina Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO	Công ty liên kết
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Cùng chủ sở hữu

- **Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan:**

**TÔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Giao dịch</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019</b>
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Trả vốn vay Cho thuê VP	1.000.000.000 480.000.000	- 480.000.000
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Mua hàng	-	35.651.476.137
Công ty TNHH MTV HR PISICO	Góp vốn	-	1.100.000.000
Công ty CP CNN Bình Định	Lãi cho vay Ứng vốn	81.236.290 4.277.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Bán hàng Cổ tức được chia	1.502.348.386 -	- 600.200.000
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Cổ tức được chia	-	825.792.000
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Mua hàng	54.025.432.550	33.248.155.860
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cho thuê VP Lãi ứng trước tiền hàng	22.712.512 275.493.150	19.250.513 -
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Lãi ứng trước tiền hàng Thu hoàn ứng trước	650.534.246 20.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Cho thuê VP Doanh thu bán gỗ Cho vay Lãi cho vay	22.712.512 3.032.243.079 16.710.000.000 471.994.559	19.250.513 557.617.500 - -
<b>- Số dư với các bên liên quan:</b>			
<b>Bên liên quan</b>	<b>Khoản mục</b>	<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020</b>
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Phải trả khác ngắn hạn Vay tài chính ngắn hạn Phải thu khách hàng Phải thu lợi nhuận	16.924.932 3.000.000.000 528.000.000 350.000.000	16.924.932 4.000.000.000 - 1.850.000.000
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Phải thu khách hàng Phải thu khác ngắn hạn	- -	1.185.836.500 2.935.050.000
Công ty TNHH MTV HR PISICO	Phải trả khác	2.205.647.540	2.710.000.000
Công ty CP CNN Bình Định	Phải thu về cho vay Phải thu khác ngắn hạn	8.466.220.000 750.984.090	4.189.220.000 669.747.800

 26

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Khoản mục</b>	<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020</b>
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Phải thu khách hàng	7.766.392	
	Phải thu khác ngắn hạn	-	2.100.700.000
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Phải thu khác ngắn hạn	-	990.950.400
	Phải trả người bán	304.627.687	-
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Phải thu khách hàng	437.513.930	1.160.399.230
	Phải thu khác ngắn hạn	-	2.226.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	8.514.350	55.488.800
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Ứng trước cho người bán	17.000.000.000	17.000.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	1.380.493.150	1.105.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Ứng trước cho người bán	23.000.000.000	43.000.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	3.445.534.246	2.795.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Phải thu khách hàng	4.186.669.405	1.507.579.550
	Phải thu về cho vay	30.930.780.000	14.220.780.000
	Phải thu khác ngắn hạn	559.297.951	87.303.392
Công ty Bidina Lào	Phải trả nhà cung cấp	184.582.676	139.228.076
	Phải thu khác ngắn hạn	72.335.000	

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2020



Nguyễn Ngọc Minh  
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh  
Tổng giám đốc